

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ
Đến tháng 12 năm 2025

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Nhi Hải Phòng
2. Địa chỉ: Phố Việt Đức, Phường Kiến An, Thành phố Hải Phòng
3. Thời gian làm việc hằng ngày của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: 24 giờ/24 giờ; 7 ngày/tuần
4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Ban giám đốc						
001	Bùi Văn Chiến	003816/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Chủ tịch Hội đồng quản lý		
002	Trần Minh Cảnh	001802/HP-CCHN 773/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Quyền Giám đốc; Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật		
003	Trần Thị Ngọc Hòa	000354/HP-CCHN 387/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi; KB, CB CK Ung thư	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó giám đốc; Phụ trách khoa Nội tổng hợp		
	Khoa Hô hấp - Mã khoa K18.2						
004	Hoàng Ngọc Anh	000234/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
005	Nguyễn Khánh Ly	012303/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
006	Nguyễn Văn Dũng	013186/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
007	Phạm Văn Thanh	008267/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
008	Vũ Thị Hương	000302/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
009	Phạm Thị Ngọc Ánh	000306/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
010	Lê Thị Thơ	000858/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
011	Lưu Thị Thanh Loan	003252/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
012	Tạ Thị Hồng Loan	005070/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
013	Nguyễn Thị Hương Giang	005075/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
014	Nguyễn Thị Thắm	009427/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
015	Trần Thị Thu Thủy	006749/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
016	Đào Thị Lệ Chi	008542/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
017	Nguyễn Thị Thu Hưng	000904/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
018	Hoàng Minh Châu	000917/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Tim mạch - Lồng ngực - Mã khoa K18.5						
019	Dương Văn Đoàn	001048/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
020	Đỗ Thị Ngọc Mai	010968/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
021	Nguyễn Thị Thủy	012300/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
022	Phạm Đức Kiên	012768/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
023	Hàn Ngọc Tùng	012952/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
024	Nguyễn Thu Phương	000827/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
025	Quản Thị Xuân	000822/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
026	Nguyễn Thị Hạnh	003763/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
027	Nguyễn Thị Thơm	004387/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
028	Phạm Thị Lan Anh	006747/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
029	Phùng Thị Minh	005082/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
030	Đồng Thị Hằng	008305/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
031	Bùi Thị Hương	005053/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
032	Nguyễn Thị Ánh	009430/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
033	Nguyễn Thị Hương	009431/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
034	Vũ Thị Trang	009435/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
035	Đào Thị Hoa	006733/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
036	Hoàng Thị Ngọc Bích	009416/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
037	Đinh Thị Tính	001287/HP-CCHN	Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
038	Nguyễn Thùy Linh	002040/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Ngoại Chấn thương - Mã khoa K18.7						

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
039	Đặng Quốc Hùng	005055/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
040	Vương Hữu Trung	000148/HP-CCHN 1270/QĐ-SYT	Phòng khám CK RHM/ KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
041	Nguyễn Quang Hiếu	005520/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
042	Đỗ Văn Cường	010464/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
043	Vũ Quốc Hiệu	012734/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
044	Nguyễn Văn Quang	000882/HP-GPHN	Chuyên khoa Ngoại khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
045	Phan Thị Ngọc	003484/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
046	Nguyễn Quốc Dương	005049/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
047	Bùi Thị Thảo	007260/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
048	Trần Thị Huệ	005059/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
049	Quách Thị Kiều Oanh	005048/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
050	Nguyễn Thị Phượng	008307/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
051	Đặng Thị Chang	008298/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
052	Trịnh Thị Phương Chi	008258/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
053	Đinh Văn Đạt	009432/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
054	Nguyễn Thị Thanh Trà	009463/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
055	Nguyễn Văn Mạnh	009461/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
056	Đào Thị Huyền	008296/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Khoa Ngoại Tổng hợp - Mã khoa K18.6						
057	Nguyễn Mạnh Toàn	003277/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
058	Nguyễn Minh Hải	008261/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
059	Nguyễn Quốc Khánh	008568/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
060	Bùi Quốc Vượng	010463/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
061	Nguyễn Minh Tiến	013256/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
062	Phan Thị Lan	000884/HP-GPHN	Chuyên khoa Ngoại khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
063	Phạm Thị Thu Hà	003263/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
064	Trần Thị Thu Hiền	003264/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
065	Trần Thị Huyền Trang	003262/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
066	Vũ Thị Thái Hà	009467/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
067	Lê Thị Hiền	009465/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
068	Trần Tuấn Anh	006732/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
069	Lê Thị Thu Hường	005054/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
070	Nguyễn Thị Ngoan	008271/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
071	Trần Đức Quyết	012313/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
072	Trần Thị Nhung	005516/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
073	Lưu Thị Thùy Dương	007182/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Khoa Tai - Mũi - Họng - Mã khoa K18.9						
074	Nguyễn Mạnh Tùng	003625/HP-CCHN	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		
075	Nguyễn Xuân Thủy	001530/HP-CCHN	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
076	Trần Thị Liệu	010302/HP-CCHN	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
077	Nguyễn Quang Trường	010335/HP-CCHN	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
078	Nguyễn Thùy Trang	000301/HP-GPHN	Chuyên khoa Ngoại khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
079	Phạm Thị Nhung	000482/HP-GPHN	Chuyên khoa Ngoại khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
080	Đặng Thúy Hằng	001448/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
081	Đỗ Thị Trang	006731/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
082	Hoàng Thị Khánh	002628/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
083	Bùi Công Sơn	009433/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
084	Đặng Thị Diệu	005031/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
085	Lê Thị Thu Hà	008289/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
086	Nguyễn Thị Hiệp	008297/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
087	Nguyễn Thị Ngân	000859/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
088	Đỗ Thị Hương	003260/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
089	Nguyễn Thị Vân	007259/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
090	Vũ Thị Yên	003247/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Khoa Răng Hàm Mặt - Mắt - Mã khoa K18.11						
091	Nguyễn Thị Lan Hương	000572/HP-CCHN	KB, CB CK Mắt	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		
092	Vũ Thùy Trang	010970/HP-CCHN	KB, CB CK Răng hàm mặt	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
093	Phạm Văn Liệu	0012525/BYT-CCHN	KB, CB CK Răng hàm mặt	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị	Người chịu TNCM PK CK RHM từ 17g30- 20g	
094	Nguyễn Thị Lan Phương	012324/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
095	Tổng Minh Trang	000253/HP-GPHN	Chuyên khoa Ngoại khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
096	Nguyễn Thị Thu Hường	000329/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
097	Phạm Thị Ngân	005062/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
098	Phạm Mai Hương	005079/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
099	Hoàng Thị Dương	005080/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
100	Bùi Thu Thủy	005512/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
101	Phạm Thị Yến	007265/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
102	Phạm Thị Dung	003268/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
103	Nguyễn Thị Phương Linh	010727/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
104	Nguyễn Minh Thắng	008314/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Bệnh nhiệt đới - Mã khoa K18.4						
105	Hoàng Sơn	000334/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
106	Nguyễn Thị Phương	008535/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
107	Bùi Văn Kiên	000287/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
108	Đỗ Thị Hảo	000885/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
109	Phạm Thị Nga	005518/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
110	Bùi Thị Thu Vân	005517/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
111	Đào Thị Phương Anh	005514/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
112	Nguyễn Thị Hà Thủy	005513/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
113	Nguyễn Thị Ngọc Phương	008292/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
114	Phạm Thị Dịu	008272/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
115	Phạm Văn Tuyền	008291/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
116	Phan Thị Dịu	001862/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
117	Lưu Thị Thúy Lan	001584/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
118	Phạm Thị Tọa	002654/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
119	Lưu Đình Cúc Phượng	008586/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
120	Nguyễn Hồng Nhung	010104/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Tiêu hóa - Mã khoa K18.3						
121	Lê Quang Quỳnh	002603/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
122	Phạm Thị Trang	012309/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
123	Nguyễn Thị Hương	012304/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
124	Bàng Thị Hồng Liên	013187/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
125	Nguyễn Đức Thuận	000288/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
126	Đỗ Quang Trường	000286/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
127	Đoàn Duy Thành	000923/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
128	Nguyễn Thị Kim Nhung	002650/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
129	Nguyễn Thị Thúy	008315/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
130	Cao Thị Minh	009470/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
131	Trần Thị Hạnh	009459/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
132	Phạm Khánh Huyền	010976/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
133	Bùi Thị Hà	008540/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
134	Mai Thị Thu Phương	002653/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
135	Vũ Thị Hương Lan	011393/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
136	Vũ Thị Minh Thùy	009476/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
137	Nguyễn Thị Hiền	008588/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
138	Phạm Thị Thương	005071/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
139	Vũ Thị Minh Hà	002892/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Gây mê hồi sức - Mã khoa K18.8						
140	Nguyễn Xuân Thành	001712/HP-CCHN	KB, CB Nội tổng hợp/ CK Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
141	Nguyễn Thị Ngọc Hà	001382/HP-CCHN 997/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ KB, CB CK GMHS	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		
142	Phạm Duy Thanh	002667/HP-CCHN 1339/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ CK GMHS	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
143	Phan Thị Hoài Nam	006728/HP-CCHN	CK Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
144	Ngô Văn Quân	010917/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi; CK GMHS	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
145	Nguyễn Thị Hằng	012306/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
146	Bùi Thị Dung	012310/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
147	Phùng Thị Thu Hương	001383/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 KTV Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng/KTV GNHS		
148	Vũ Diệu Thúy	001883/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 KTV Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng/ KTV gây mê		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
149	Nguyễn Thị Như Hoa	001880/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 KTV Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng/ KTV gây mê		
150	Phạm Thị Kim Liên	003265/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
151	Nguyễn Thị Liệu	006741/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
152	Đỗ Văn Tuyên	003498/HP-CCHN	Thực hiện kỹ thuật Gây mê hồi sức	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV Gây mê hồi sức		
153	Trần Thị Hoài Châu	003491/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
154	Vũ Thu Hương	006742/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
155	Nguyễn Việt Hoàng	006743/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
156	Đỗ Thị Hương	001885/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
157	Vũ Hoàng Thăng	009595/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
158	Bùi Thị Hương	008538/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
159	Nguyễn Thị Nhung	009441/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
160	Đào Thị Nguyên	009471/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
161	Vũ Văn Hiến	010318/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
162	Đặng Thị Thu	009453/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Hồi sức tích cực và chống độc - Mã khoa K48K49						
163	Vũ Hữu Quyền	000060/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
164	Trần Văn Lân	006724/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
165	Vũ Đình Mai	007242/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
166	Vũ Hữu Hiệu	010967/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
167	Trịnh Huy Hải	012301/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
168	Nguyễn Thị Thùy Dương	013369/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
169	Lại Đăng Huy	000257/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
170	Nguyễn Đình Hiệu	000284/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
171	Trương Văn Minh	000305/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
172	Linh Văn Hiếu	000819/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
173	Nguyễn Thị Bích Thủy	001879/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
174	Nguyễn Thị Kim Dung	008269/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
175	Nguyễn Thị Huyền Trang	008280/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
176	Vũ Thị Oanh	005034/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
177	Trần Thị Hồng Vân	008279/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
178	Trần Thị Như Trang	008268/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
179	Trương Thị Nam	008290/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
180	Lê Thị Năm	008278/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
181	Vũ Thị Thà	008308/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
182	Đỗ Thị Huyền Trang	009443/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
183	Phạm Văn Ninh	009447/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
184	Trần Đức Quý	009446/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
185	Nguyễn Văn Quảng	009469/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
186	Phạm Mai Phương	009580/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
187	Đoàn Thị Khánh Linh	012144/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
188	Nguyễn Thị Thanh Vân	005793/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
189	Đinh Đức Cảnh	009468/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
190	Lã Thị Duyên	003274/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
191	Mai Thị Thùy Nhung	009449/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
192	Nguyễn Anh Thơ	009591/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
193	Vũ Thị Liên	007251/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
194	Đỗ Thị Thúy	002659/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
195	Ngô Thị Thu Hà	0026161/BYT-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
196	Nguyễn Thị Tươi	001031/HP-CCHN	Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
197	Đỗ Thị Phương Mai	013429/HP-CCHN	Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
198	Nguyễn Ngọc Tuyết	013426/HP-CCHN	Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
199	Nguyễn Thị Thảo	006736/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
200	Nguyễn Minh Đức	000254/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
201	Phạm Hương Giang	000256/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
202	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	000858/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Sơ sinh - Mã khoa K18.1						
203	Lê Thị Minh Luyến	001512/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
204	Vũ Thị Huyền	007244/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
205	Nguyễn Thị Hương	010457/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
206	Nguyễn Thị Ngân	000883/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
207	Nguyễn Thị Thắng	002629/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
208	Lê Thùy Linh	001881/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
209	Nguyễn Thị Thúy	005045/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
210	Lê Thị Hồng Nhung	008589/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
211	Nguyễn Thùy Dung	008312/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
212	Lương Thị Thảo	009589/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
213	Nguyễn Thị Thu Yến	009448/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
214	Phạm Vân Thanh	009586/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
215	Trần Thị Yến	005037/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
216	Phạm Thị Hạnh	010202/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
217	Vũ Thị Hương	005081/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Điều trị tự nguyện A - Mã khoa K18.13						

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
218	Vũ Duy Hưng	001098/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Trưởng khoa		
219	Ngô Thanh Huynh	000840/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
220	Nguyễn Thị Xuân	010969/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
221	Nguyễn Phương Thảo	012770/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
222	Đặng Thị Thuyết	000832/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
223	Trần Minh Hạnh	001495/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
224	Trần Thị Uyển	001096/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
225	Dương Thị Thủy	007249/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
226	Vũ Thị Ngát	008641/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
227	Phạm Thị Xanh	009422/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
228	Nguyễn Thị Như Quỳnh	000260/HD-CCHN	Thực hiện việc tiêm (chích), thay băng theo đơn của bác sỹ	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
229	Phạm Thị Xiêm	007253/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
230	Nguyễn Thị Thanh Hoa	003248/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
231	Đỗ Thị Hương	005040/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
232	Đào Thị Hà	008288/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
233	Phạm Thị Thu Hiền	009598/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
234	Mai Thị Thu Thúy	009596/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
235	Hoàng Thị Yến	005519/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
236	Đỗ Thị Hiền	012312/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
237	Nguyễn Thị Xuyến	012985/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
	Khoa Điều trị tự nguyện B - Mã khoa K18.14						
238	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	001097/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
239	Bùi Mẫn Nguyên	006725/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
240	Nguyễn Thị Ánh Hương	000062/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng phòng		
241	Nguyễn Thị Ngọc Yến	000041/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng phòng		
242	Bùi Thị Thu Hiền	007971/HNO-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
243	Lê Thị Ái Linh	010965/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
244	Lài Thị Thùy	013003/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
245	Chu Thị Thảo	013007/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
246	Vũ Văn Việt	013053/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
247	Lê Anh Duy	000818/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
248	Nguyễn Thị Kim Dung	003254/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
249	Nguyễn Thị Mai	007256/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
250	Phạm Thị Lệ	007248/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
251	Từ Thị Thùy Dương	007247/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
252	Phùng Thị Hạnh	007252/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
253	Đỗ Thị Lan	007255/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
254	Vũ Thị Ngọc	009590/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
255	Vũ Thị Ngọc Lan	009585/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
256	Phạm Thị Non	009437/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
257	Mai Thị Nghĩa	009592/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
258	Nguyễn Thị Kim Phụng	003246/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
259	Bùi Thị Thu Hiền	007246/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Đơn nguyên Quốc Tế						
260	Nguyễn Bùi Bình	005068/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
261	Đào Nguyên Ngọc	009954/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
262	Phạm Đức Toàn	009838/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
263	Phương Thị Bích Hồng	010189/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
264	Nguyễn Thị Ánh	012876/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
265	Nguyễn Thành Trung	011659/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
266	Nguyễn Thành Công	000285/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
267	Vũ Thị Phương	000484/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
268	Trịnh Thị Giang	000485/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
269	Đào Thị Huyền	000283/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
270	Trần Thị Minh	000820/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
271	Trương Thị Thảo	002666/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
272	Trần Thị Thùy Dung	008313/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
273	Nguyễn Thị Hồng Duyên	008304/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
274	Vũ Thị Sim	009424/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
275	Đinh Thị Nhung	008301/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
276	Nguyễn Thị Ngọc Lan	006734/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
277	Đào Thị Ngoan	006735/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
278	Nguyễn Thị Hải Vân	011287/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
279	Đoàn Thị Hằng	008311/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
280	Ngô Thị Phụng	012633/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
281	Đinh Thị Thu Hòa	003764/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
282	Đỗ Thị Thúy Hằng	001882/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
283	Lê Thị Mai	002637/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
284	Phạm Thị Hương Lan	009466/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
285	Phạm Thị Thanh Hoa	002656/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
286	Vũ Thị Thu Giang	007254/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
287	Nguyễn Thị Thoa	009587/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
288	Phạm Thị Thanh Hương	003250/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
289	Đào Thị Hồng	010848/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
290	Đỗ Thị Hạnh	009436/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
291	Nguyễn Thị Thúy	009473/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Nội tổng hợp - Mã khoa K18.10						
292	Đỗ Thị Quỳnh Mai	000093/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Phó trưởng khoa		
293	Vũ Thị Thảo	010459/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
294	Trịnh Thị Thanh Hương	012311/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
295	Nguyễn Thị Phương Anh	012308/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
296	Hoàng Việt Hưng	000304/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
297	Nguyễn Thị Ánh	000886/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
298	Nguyễn Thị Hương Liễu	002651/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
299	Phạm Thúy Nga	005077/HP-CCHN	TT số 41/2015/QĐ-BNV ngày 22/4/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
300	Ngô Văn Thắng	008286/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
301	Nguyễn Thị Nét	000373/TB-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
302	Trịnh Thị Huyền	008285/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
303	Vũ Thị Hoa	008300/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
304	Nguyễn Thị Thảo	008282/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
305	Hoàng Thị Diễm	008283/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
306	Bùi Thị Hương	005910/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
307	Vũ Hoài Thu	009451/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
308	Nguyễn Thị Mỹ	009450/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
309	Trần Thị Lệ Quyên	005052/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
310	Mạc Thị Ngọc Hà	010729/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
311	Hoàng Thị Huyền Trang	006378/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
312	Vũ Thị Huyền Trang	000132/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa thần kinh - Tâm bệnh - Mã khoa K18.12						

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
313	Nguyễn Bích Vân	000774/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
314	Đào Thị Hằng	002627/HP-CCHN 774/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi KB, CB CK Phục hồi chức năng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
315	Phương Đức Huy	010460/HP-CCHN 810/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi KB, CB CK thần kinh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
316	Nguyễn Thị Vinh	012302/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
317	Bùi Phương Thảo	000303/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
318	Nguyễn Lê Quyên	000828/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
319	Bùi Thị Hoa	001494/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
320	Phạm Thị Thu Hà	005030/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
321	Nguyễn Thị Xuyên	002618/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
322	Nguyễn Thị Phương Anh	008306/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
323	Nguyễn Thị Thu Hương	008310/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
324	Phạm Thị Đào Anh	008281/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
325	Phạm Văn Dũng	009475/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
326	Đỗ Thị Khánh Ly	009418/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
327	Hoàng Thị Thanh Hoa	007163/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
328	Nguyễn Thị Chinh	009452/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
329	Hoàng Thị Nhàn	009462/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
330	Bùi Thị Thương	008274/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
331	Phạm Minh Đức	009474/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
332	Nguyễn Thị Huyền	009426/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Y học cổ truyền - Mã khoa K18.15						
333	Vũ Văn Điều	001549/HP-CCHN	KB, CB bằng YHCT/Chuyên khoa phục hồi chức năng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		
334	Đỗ Thị Lan	002536/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
335	Trần Văn Ca	009167/HP-CCHN	- Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa/Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
336	Lê Thị Lan Hương	000255/HP-GPHN	Y học cổ truyền	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
337	Nguyễn Thị Thùy Dương	005046/HP-CCHN 1343/QĐ-SYT	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005; Thực hiện kỹ thuật châm cứu, điện châm, xoa bóp, bấm huyệt theo chỉ định của bác sỹ YHCT	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
338	Ngô Thị Mai Trang	008284/HP-CCHN 1344/QĐ-SYT	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005; Thực hiện kỹ thuật về YHCT theo chỉ định của bác sỹ	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Y sỹ/Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
339	Trần Minh Hiếu	006997/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
340	Lê Thị Thanh Huyền	006498/HP-CCHN	KTV Phục hồi chức năng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV PHCN		
341	Bùi Ngọc Diệp	009477/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
342	Phùng Thu Hường	004982/HP-CCHN	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV PHCN		
343	Đào Thị Phương	006737/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
344	Nguyễn Thị Thu Thủy	003276/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
345	Nguyễn Tổ Loan	002644/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Khám bệnh - Mã khoa K01						
346	Phó Nhật Tân	001314/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
347	Đinh Thị Phụng	003279/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
348	Nguyễn Công Minh	013185/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
349	Hồ Công Đồng	000379/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
350	Nguyễn Thị Hạnh	001317/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
351	Trương Thị Phương	003273/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
352	Phạm Thị Miến	003243/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
353	Lê Thị Lan Anh	003278/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
354	Dương Thị Quyên	008316/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
355	Đỗ Thị Nhung	003272/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
356	Nguyễn Thị Thắm	006748/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
357	Bùi Thị Thúy	006996/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
358	Mai Thị Huyền Trang	008302/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
359	Vũ Thị Oanh	005057/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
360	Đỗ Thị Hà Thu	009434/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Khám bệnh yêu cầu - Mã khoa K01.1						
361	Phạm Thị Hương	002672/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
362	Nguyễn Thị Thúy	006727/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
363	Đỗ Thị Hồng Hạnh	001736/HP-CCHN 256/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi; CK Huyết học Truyền máu	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
364	Đỗ Thị Ngọc Anh	011737/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
365	Bùi Thị My	013184/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
366	Hoàng Thị Vân	008266/HP-CCHN 386/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi KB, CB CK Ung thư	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
367	Nguyễn Thị Hải Linh	000924/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	BS điều trị		
368	Đỗ Thị Bích Liên	002658/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng trưởng		
369	Đồng Thị Thu Huyền	002665/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
370	Nguyễn Thị Thoa	002657/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
371	Đặng Thị Nhàn	002630/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		
372	Nguyễn Thị Ánh Hồng	009483/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trực theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
373	Đoàn Thị Thủy	009423/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
374	Trần Thanh Huyền	009456/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
375	Nguyễn Thị Thúy	009444/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
376	Nguyễn Thị Nhung	003076/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
377	Trần Thị Thu Hiền	009425/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
378	Nguyễn Thị Hương	008587/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
379	Lê Thị Thùy Linh	007250/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
380	Ngô Thị Bích Phương	0002140/BN-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
381	Đỗ Thị Mai Liên	006739/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
382	Ngô Thị Huyền Mai	006745/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
383	Đặng Thị Dung	010726/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
384	Nguyễn Thị Như	009464/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
385	Khổng Thị Trang	001032/HP-GPHN	Y học dự phòng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
386	Đặng Việt Linh	011169/HP-CCHN	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường, xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
387	Cao Thị Như Quỳnh	003837/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
388	Đào Thị Thanh	000582/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
389	Nguyễn Thị Quế	005064/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
390	Nguyễn Thị Đảm	0001192/QNI-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
391	Nguyễn Thị Nga	008294/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
392	Đào Thị Thanh Thảo	000859/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Hóa sinh - Mã khoa K37						
393	Nguyễn Văn Đức	007241/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
394	Lương Tiến Thuận	0016806/BYT-CCHN 1352/QĐ-SYT	KB, CB CK Ngoại/ CK Xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		
395	Nguyễn Thị Kim Liên	005051/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV XN		
396	Phạm Thị Chăm	007269/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV Trưởng		
397	Phạm Thị Dung	007268/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Xét nghiệm y học cao đẳng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
398	Bùi Thị Giang	007267/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Xét nghiệm y học đại học		
399	Vũ Phương Thảo	007288/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
400	Nguyễn Thị Thu Hường	002615/HP-CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
401	Nguyễn Thị Phương Anh	011291/HP-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân xét nghiệm		
402	Phạm Bạch Dương	012767/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
403	Nguyễn Tấn Dũng	000857/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
	Khoa Huyết học - Mã khoa K36						
404	Vũ Thị Nhân	002660/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
405	Tô Thị Huệ	002626/HP-CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV Trưởng		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
406	Trương Thị Hồng Nhung	003256/HP-CCHN	Thực hiện kỹ thuật xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
407	Đoàn Thị Hương	003257/HP-CCHN	Thực hiện kỹ thuật xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Kỹ thuật xét nghiệm cao đẳng		
408	Lê Phương Thảo	002647/HP-CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Xét nghiệm y học cao đẳng		
409	Phạm Thị Yến	008317/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân xét nghiệm y học		
410	Vũ Trọng Trình	009482/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Kỹ thuật xét nghiệm cao đẳng		
411	Phạm Thị Hậu	009481/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Kỹ thuật xét nghiệm y học cao đẳng		
412	Nguyễn Thị Phương Thảo	011421/HP-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
413	Vũ Thị Phương Nguyên	013428/HP-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân xét nghiệm y học		
414	Dương Thị Diễm Hương	000320/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Kỹ thuật Y		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
415	Ngô Thị Chi	010728/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
	Khoa Vi sinh - Mã khoa K38						
416	Đỗ Thị Tuyết	001384/HP-CCHN 2661/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ Chuyên khoa xét nghiệm vi sinh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
417	Nguyễn Thị Vân	009484/HP-CCHN 265/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ Chuyên khoa xét nghiệm vi sinh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
418	Đỗ Thị Hào	002620/HP-CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV XN		
419	Phạm Thị Hiền	003255/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV XN		
420	Hà Thị Mai Thanh	002624/HP-CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV XN		
421	Nguyễn Thị Nhiên	008318/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm (Vi sinh)	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV Trưởng		
422	Đào Thị Lan.	001829/HP-CCHN	Thực hiện KTCM xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV XN		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
423	Nguyễn Thị Thảo	012094/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân Xét nghiệm y học		
424	Lê Thị Chiên	002614/HP-CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV XN		
425	Đào Thị Hạnh	000918/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
426	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	000943/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		
	Khoa giải phẫu bệnh - Mã khoa K42						
427	Phạm Kỳ Anh	008219/HP-CCHN	Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
428	Nguyễn Thị Tuyết	005038/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV Trưởng		
429	Hoàng Thị Lan Anh	005043/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV XN		
430	Nguyễn Thị Ngân	009666/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV XN		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
431	Lương Sơn Tùng	009480/HP-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Kỹ thuật viên xét nghiệm cao đẳng		
	Khoa chẩn đoán hình ảnh - Mã khoa K39						
432	Nguyễn Thị Tuyết Nga	003075/HP-CCHN 1353/QĐ-SYT	KB, CB Nội tổng hợp/ KB, CB CK chẩn đoán hình ảnh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		
433	Lương Văn Duy	009955/HP-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		
434	Nguyễn Đức Vượng	000292/HP-GPHN	Chuyên khoa nội khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
435	Nguyễn Thế Hữu	002638/HP-CCHN	Thực hiện CMKT CDHA	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV CDHA		
436	Đào Anh Hoàng	002643/HP-CCHN	Thực hiện CMKT CDHA	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV trưởng		
437	Nguyễn Hoàng Trường	008319/HP-CCHN	KTV CDHA	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV CDHA		
438	Vũ Văn Trọng	005039/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV CDHA		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
439	Vũ Văn Tiến	002645/HP-CCHN	Thực hiện CMKT CDHA	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV CDHA		
440	Vũ Quang Thành	007270/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV CDHA		
441	Nguyễn Văn Tuyến	005078/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV CDHA		
442	Nguyễn Văn Thư	004909/HP-CCHN	KTV CDHA	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV CDHA		
443	Nguyễn Duy Thanh	009609/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV CDHA		
444	Đào Thị Ngân	005294/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
445	Trần Thị Minh An	009479/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
446	Nguyễn Hoàng Phú	007591/HD-CCHN 134/QĐ-SYT	Thực hiện kỹ thuật Xquang KTV chụp cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV CDHA		
447	Nguyễn Anh Quốc	007219/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV CDHA		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn - Mã khoa K43						
448	Bùi Đức Hữu	005795/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng khoa		Hành nghề tại khoa HSTC&CB
449	Trần Thị Hoàng Nhung	005035/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		Hành nghề tại khoa HSTC&CB
450	Nguyễn Thị Hải Mỹ	003244/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		Hành nghề tại khoa HSTC&CB
	Khoa Dinh dưỡng - Mã khoa K45						
451	Nguyễn Thị Thanh Loan	001886/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa, phụ trách khoa		Hành nghề tại khoa khám bệnh yêu cầu
452	Nguyễn Thị Thùy Chi	002625/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		Hành nghề tại khoa khám bệnh yêu cầu
	Phòng Kế hoạch tổng hợp						
453	Nguyễn Thị Mai Anh	002671/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		Hành nghề tại Đơn nguyên Quốc tế - Khoa Tự nguyện B
	Phòng Điều dưỡng						

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
454	Bùi Thị Quyên	005044/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Trưởng phòng		Hành nghề tại Đơn nguyên Quốc tế - Khoa Tự nguyện B
455	Đào Thị Minh Phương	000892/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng khối		Hành nghề tại khoa HSTC&CD
456	Đỗ Thị Thanh Huyền	009417/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng trưởng khối		Hành nghề tại khoa HSTC&CD
	Phòng CĐT-HTQT						
457	Bùi Thị Hoa	006750/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng phòng		Hành nghề tại khoa HSTC&CD
	Giáo viên Bộ môn Nhi trường Đại học Y Dược Hải Phòng; Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng						
458	Chu Thị Hà	005067/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Sơ sinh
459	Nguyễn Việt Hà	009583/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Thần kinh - Tâm bệnh
460	Nguyễn Ngọc Sáng	0022764/BYT-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Nội tổng hợp
461	Đặng Văn Chức	001429/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Phó trưởng khoa		Hành nghề tại khoa Sơ sinh

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
462	Phạm Thị Ngọc	005066/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tiêu hóa
463	Vũ Thị Ánh Hồng	009655/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Bệnh nhiệt đới
464	Đinh Dương Tùng Anh	007331/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Hô hấp
465	Nguyễn Thị Thúy Hường	012305/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tự nguyện B
466	Phạm Thị Quỳnh Vân	010367/TB-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tự nguyện B
467	Đoàn Thị Linh	013199/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trục)	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Tim mạch - Lồng ngực
468	Nguyễn Văn Trung	000142/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa HSTC&CD
469	Phạm Minh Thảo	037659/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa RHM-Mắt
470	Lê Thị Thùy Ly	038905/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa RHM-Mắt

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
471	Nguyễn Thị Ngọc Bích	041186/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mất	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa RHM-Mất
472	Phạm Thị Thanh Hà	000697/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 5 giờ/ngày (từ 7giờ đến 12giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Hành nghề tại khoa Nội tổng hợp

- Số người có CCHN: 472
 Trong đó: BS: 156
 ĐD: 269
 KTV: 47

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2025
 Đại diện cơ sở khám bệnh, chữa bệnh



Q. GIÁM ĐỐC
 BSCKII. Trần Minh Cảnh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TĂNG, GIẢM NGƯỜI HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tháng 12 năm 2025

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Nhi Hải Phòng
2. Địa chỉ: Phố Việt Đức, Phường Kiến An, Thành phố Hải Phòng
3. Thời gian làm việc hằng ngày của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: 24 giờ/24 giờ; 7 ngày/tuần
4. Danh sách đăng ký tăng người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tăng						
094	Nguyễn Thị Lan Phương	012324/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
223	Trần Minh Hạnh	001495/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		
312	Vũ Thị Huyền Trang	000132/HP-GPHN	Điều dưỡng	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		
319	Bùi Thị Hoa	001494/HP-GPHN	Chuyên khoa Nhi khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		

Số TT	Họ và tên	Số Giấy phép hành nghề/ Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám tại cơ sở KCB khác (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Giảm						
015 (DS cũ)	Lê Thị Thuỳ Liên	005047/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Điều dưỡng		Chấm dứt HĐLĐ từ 25/9/2025
097 (DS cũ)	Bùi Mỹ Hạnh	000483/HP-GPHN	Chuyên khoa Ngoại khoa	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	BS điều trị		Chấm dứt HĐLĐ từ 17/9/2025
402 (DS cũ)	Đào Mỹ Ngọc	000853/HP-GPHN	Xét nghiệm y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học		Chấm dứt HĐLĐ từ 4/12/2025
442 (DS cũ)	Vũ Tuấn Anh	009608/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	- 8 giờ/ngày (từ 7giờ đến 17giờ); - 5 ngày/tuần (từ thứ 2 đến thứ 6); - Trục theo lịch	KTV CĐHA		Chết 9/10/2025

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2025
Đại diện cơ sở khám bệnh, chữa bệnh



Q. GIÁM ĐỐC
BSC/KL. Trần Minh Cảnh